TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNG SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm canh khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST - HNGĐ ngày 6 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 24 tháng 7 năm 2020; Thông báo tạm dừng phiên tòa số 27/TB-TA ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hải Y, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 50 Phạm Tuấn Tài, Tổ 13, phường K, quận Ng, TP, Đ. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Hùng, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 50 Phạm Tuấn T, Tổ 13, phường K, quận Ng, TP, Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 15/4/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày :* Chị Lê Thị Hải Y và anh Nguyễn Quốc H kết hôn vào năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan

điểm sống của chúng tôi không hợp nhau, mỗi người có quan điểm sống khác biệt nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, gây ồn ào gia đình và dần lạnh nhạt tình cảm với nhau. Mâu thuẫn như vậy kéo dài đến nay vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2020 chị Yến chuyển đi nơi khác sống từ đây vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm không còn yêu thương anh H nữa, nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Y xác định giữa chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Lê Yến Nh, sinh ngày 27/3/2019; Ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Quốc H vắng mặt không có ý kiến tại hồ sơ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS, bị đơn không chấp hành đúng.

Căn cứ vào Điều 56,58,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 47; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Lê Thị Hải Y đối với anh Nguyễn Quốc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Yến Nh, sinh ngày 27/3/2019 cho chị Lê Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, buộc anh Nguyễn Quốc H cấp dưỡng nuôi con cho chị Yến mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa anh, chị thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Quốc H (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Hải Y và anh Nguyễn Quốc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018. Hôn nhân của trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của chúng tôi không hợp nhau nên từ đó luôn xảy ra xích mích, cãi vã nhau và dần lạnh nhạt tình cảm với nhau. Mâu thuẫn như vậy kéo dài từ 2019 đến nay vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2020 chị Yếnchuyển đi nơi khác sống cũng từ đây vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị Yến xác định tình cảm không còn yêu thương anh H nữa nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc H vắng mặt nên không có ý kiến thể hiện tại phiên tòa.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Yến thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai anh chị đã không còn giữ được điều này. Hiện vợ chồng đã tự sống ly thân nhau càng tạo thêm rạn nứt tình cảm vợ chồng có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì.

[5] Đối với anh H tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn của chị Yến và anh H đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Yến đối với anh H là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị Y và anh H có 01 con chung là Nguyễn Lê Yến Nh, sinh ngày 27/3/2019; Ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng . Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị Y thì thấy hiện cháu Yến Nh còn quá nhỏ và cháu hiện đang sống với mẹ ổn định không cần xáo trộn cuộc sống của cháu nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Thị Hải Y thì thấy theo chị Yến cung cấp hiện anh H công việc buôn bán hàng ngày có thu nhập đều và hàng tháng anh H vẫn thực hiện việc trợ cấp cho chị 3.000.000đ/ tháng để chị nuôi con, do đó HĐXX thấy để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cũng như quyền lợi của cháu Nhi cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định không có. Tuy nhiên anh Hùng vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến của anh để đảm bảo quyền lợi các đương sự HĐXX không đề cập đến, nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ nguyên đơn phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung" của chị Lê Thị Hải Y đối với anh Nguyễn Quốc H.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Yến Nhi, sinh ngày 27/3/2019 cho chị Lê Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Quốc H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ(ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ chị Lê Thị Hải Y phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0009857 ngày 15 tháng 4 năm 2020

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Khuê Mỹ quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh